

VỀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG VÀ KẾ HOẠCH “CỘNG ĐỒNG PHÒNG THỦ CHÂU ÂU” (1952-1954)

ĐÀO ĐỨC THUẬN*

1. Đặt vấn đề

Bối cảnh quốc tế những năm 1950 chứng kiến nhiều sự kiện quan trọng mà những hậu quả của nó đã làm nền tảng cho quan hệ quốc tế những năm sau đó. Chiến tranh Lạnh vốn xuất phát từ châu Âu đã dần dần được hâm nóng lên bằng những xung đột quân sự ở khu vực Á châu khiến cho phạm vi ảnh hưởng của nó lan rộng ra toàn thế giới. Cao trào của Chiến tranh Lạnh diễn ra ở Á châu đầu những năm 1950 được đánh dấu bằng Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) và Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1946-1954). Những cuộc chiến tranh nóng tại Á châu này có tác động ngược trở lại với an ninh châu Âu vốn đã trở thành vấn đề nhạy cảm sau Thế chiến II.

Lo sợ về một cuộc tấn công có thể xảy ra từ phía Đông của châu Âu do Liên Xô tiến hành qua lãnh thổ Đức, đe dọa an ninh của khu vực Tây Âu, từ đó “nhuôm đổ” Tây Âu và có thể lan sang các khu vực khác của thế giới, Hoa Kỳ đã thúc giục các nước đồng minh Tây Âu của mình đồng ý để nước Cộng hòa liên bang Đức (Tây Đức) được tái vũ trang. Nước Pháp, vốn là một đồng minh “yếu thế” hơn so với Liên Xô, Hoa Kỳ và Anh trong Thế chiến II, tỏ ra thật sự lo

lắng về một nước Tây Đức với tiềm năng và trang bị quân sự luôn vượt trội so với Pháp, là quốc gia đã đánh chiếm thành công nước Pháp ba lần trong vòng 70 năm (1). Tháng 10-1950, Thủ tướng Pháp lúc đó là René Pleven đã đề xuất thành lập “Cộng đồng phòng thủ châu Âu” (tên tiếng Anh: *European Defense Community*, viết tắt là EDC, từ đây xin dùng từ viết tắt này) bao gồm các nước tham gia kí kết là: Pháp, Italy, Hà Lan, Bỉ, Luc-xem-bua và Tây Đức. Trong khuôn khổ của Kế hoạch này, Tây Đức sẽ được tái vũ trang, nhưng không có quân đội quốc gia riêng mà cả Tây Âu sẽ có quân đội chung dưới sự chỉ huy chung của một hội đồng. Nói cách khác, Tây Đức có thể được tái vũ trang nhưng vẫn bị kiểm soát ở một số lĩnh vực nhất định (2).

Mặc dù đã được 6 nước kí kết vào ngày 27-5-1952 nhưng trên thực tế, Hiệp ước chưa bao giờ được triển khai do Quốc hội Pháp đã từ chối phê chuẩn nó vào ngày 30-8-1954 (3). Vậy tại sao nước Pháp, tác giả của Kế hoạch lại chính là quốc gia từ chối nó? Đông Dương và Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất có tác động ra sao đối với kết quả nêu trên? Hậu quả sau đó của nó là gì? Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi cố gắng thử phân tích một vài mối liên

* TS. Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG HN

hệ giữa cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập dân tộc của Việt Nam với Kế hoạch nêu trên qua việc khai thác, sử dụng một số nguồn tư liệu của phương Tây.

2. Đông Dương và sự thất bại của Kế hoạch "Cộng đồng phòng thủ châu Âu" (1952-1954)

Bên cạnh việc phân tích nguyên nhân thành lập thì thái độ, toan tính của các nước lớn có liên quan đến kế hoạch này và sự phá sản của nó cũng cần được đề cập đến. Các nước lớn ở đây là: Hoa Kỳ, Pháp. Tuy nhiên, nước Tây Đức, với vị trí trọng yếu, chiến lược của mình ở châu Âu cũng cần được quan tâm phân tích. Nước Anh, ngay từ sau Thế chiến II, đã hoặc là ngăn ngừa, hoặc có mức độ, hoặc từ chối tham gia các liên minh của Tây Âu (4). Đông Dương luôn nằm trong tất cả những toan tính của các nước lớn xung quanh kế hoạch nêu trên và trong những chừng mực nhất định, kết quả của Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất là một trong những nguyên nhân quan trọng làm thất bại kế hoạch này.

Thái độ của Mỹ: Là nước lớn nhất trong khối đồng minh chống phát xít trong Thế chiến II. Sau năm 1945, Mỹ rất muốn có một châu Âu ổn định về an ninh, nhưng trong chiến lược lâu dài của Mỹ, châu Âu phải có trách nhiệm chính trong việc đảm bảo an ninh của mình. Tuy Hiệp ước Brussels năm 1948 (5) đã được kí kết song trong khuôn khổ của Hiệp ước này, Tây Đức chưa được tham gia như một thành viên của cộng đồng. Kể cả Hiệp ước Washington về thành lập Liên minh Quân sự Bắc Đại Tây dương - NATO một năm sau đó, nước này cũng vẫn bị đứng ngoài cuộc do những ràng buộc mà các nước đồng minh đưa ra để quản lí nước Đức thời hậu chiến. Tuy nhiên, cục diện thế giới thay đổi nhanh chóng khi Chiến tranh Triều Tiên

nổ ra tháng 6-1950, nỗi quan ngại về sự mở rộng của chủ nghĩa Cộng sản đã xâm chiếm toàn bộ những bộ óc của giới lãnh đạo phương Tây (6).

Chính sách ngăn chặn (*containment policy*) ra đời dưới chính quyền của Tổng thống Mĩ Harry S. Truman và được thực hiện triệt để dưới thời lãnh đạo của Eisenhower. Tây Đức trong hoàn cảnh mới này, với vị trí địa-chính trị quan trọng của mình ở châu Âu cần được tái vũ trang để sẽ được sử dụng như một "con đập" ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản sang thế giới phương Tây. Trên cơ sở đó, Cộng đồng phòng thủ châu Âu với sự tham gia của Tây Đức là điều cực kì cần thiết và mang tính chiến lược đối với an ninh của phương Tây. Chính vì vậy, Hoa Kỳ liên tục thúc ép Quốc hội Pháp sớm phê chuẩn dự án này. Cần nhấn mạnh rằng, Hoa Kỳ thường xuyên sử dụng quân bài Đông Dương trong quá trình mặc cả với Pháp: nếu Pháp không sớm phê chuẩn kế hoạch này, Hoa Kỳ sẽ ngưng viện trợ tài chính cho Pháp để Pháp tiếp tục cuộc chiến ở Đông Dương. Đối với Hoa Kỳ, giữa Đông Dương và EDC có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và đều là kết quả của quá trình quốc tế hóa các xung đột quân sự trên hai bán đảo đều ở châu Á là Triều Tiên và Đông Dương. Bản thân nước Mỹ dưới thời lãnh đạo của Tổng thống Eisenhower cũng gặp phải những khó khăn trong hoạch định chiến lược, đó là một mặt, Mỹ vẫn muốn Paris tiếp tục tiến hành cuộc chiến tranh (ủy thác của phương Tây) chống sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản ở châu Á trên chiến trường Đông Dương, mặt khác vẫn muốn Pháp gia tăng hơn nữa vai trò quân sự ở châu Âu trong khuôn khổ EDC do chính Pháp đề xuất (7).

Về phía Pháp, đứng trước những đề nghị của Hoa Kỳ, Thủ tướng Pháp lúc đó là René

Pleven đã miễn cưỡng đề xuất thành lập một cộng đồng phòng thủ chung như tên đã nêu. Tổ chức này được thành lập dựa trên mô hình tổ chức và hoạt động của Cộng đồng Than và Thép châu Âu đã được thành lập trước đó (8). Tuy nhiên, tiềm thức của giới lãnh đạo và nhân dân Pháp luôn lo ngại một điều rằng nước Tây Đức luôn là mối lo ngại về an ninh của Pháp. Pháp e ngại rằng, trong những điều kiện và thời điểm nhất định, như hoàn cảnh lịch sử thế giới đầu những năm 1950 là một ví dụ, nước Tây Đức sẽ có cơ hội quay trở lại thống trị châu Âu, một điều mà nước Pháp rất khó chấp nhận và cố gắng ngăn chặn. Tuy nhiên, với điều kiện nước Pháp trong thời điểm trên, thật không dễ dàng để Pháp có thể thực hiện được mong muốn của mình trong việc kìm hãm Tây Đức.

Những lo ngại về an ninh ở châu Âu không phải là mối bận tâm duy nhất của Pháp mà chính trong thời điểm này, sự thống trị của Pháp ở Đông Dương (và ở các thuộc địa khác) đang bị lung lay nghiêm trọng. Phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc thuộc địa đang dâng lên mạnh mẽ. Chính nước Pháp cũng đang phải đối đầu với nhân dân Việt Nam trong công cuộc đấu tranh, giành độc lập được bắt đầu từ năm 1946, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Sau những thắng lợi của quân đội Việt Minh trong Chiến dịch biên giới năm 1950 và sự nổ ra của Chiến tranh Triều Tiên, Pháp ngày càng gặp phải nhiều khó khăn hơn trong việc bố trí lực lượng quân sự trên chiến trường nóng ở châu Á và một chiến trường nóng khác "trong lòng Chiến tranh Lạnh" có thể xảy ra ở châu Âu.

Theo những gì mà Pháp đề xuất trong khuôn khổ của EDC, Pháp phải đóng góp 14 sư đoàn trong tương quan với sự đóng góp của Tây Đức là 12 sư đoàn. Nhưng sự

thật thì Pháp sẽ không bao giờ thực hiện được cam kết này do phần lớn lực lượng quân đội của Pháp đang đóng quân ở chiến trường Đông Dương hoặc ở Bắc Phi (9). Trước tình thế khó khăn cả về quân sự lẫn tài chính cho những phiêu lưu quân sự ở Đông Dương nói riêng và ở những nước thuộc địa nói chung, Pháp hoàn toàn lúng túng trong việc lựa chọn ưu tiên trong chính sách đối ngoại và quân sự của mình (10). Pháp buộc phải xuống thang và công khai mặc cả với Mi rằng, những chi phí về tài chính và quân sự ở Đông Dương phải được tính vào đóng góp của của Pháp trên mặt trận ngăn chặn sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản ở châu Á. Lúc này, Đông Dương bắt đầu được sử dụng như quân bài để các nước lớn mặc cả với nhau trong việc duy trì và bảo đảm an ninh ở Âu châu.

Kế hoạch về một tổ chức quân sự phòng thủ chung của Tây Âu mà trong đó, Pháp là tác giả của kế hoạch có vẻ được đề xuất hoặc là không đúng thời điểm, hoặc là những tính toán của giới lãnh đạo Pháp đã không sắc bén trong việc nhận định những khó khăn của mình trong việc đồng thời thực hiện hai trọng tâm đối ngoại: duy trì thuộc địa (ở Đông Dương và khu vực Bắc Phi) và tham gia sâu rộng hơn vào cộng đồng châu Âu với vai trò lãnh đạo. Nhiều đại biểu trong Quốc hội Pháp, thuộc nhiều đảng phái khác nhau thậm chí đã cho rằng chỉ khi Pháp giành được thắng lợi trên chiến trường Đông Dương thì Pháp mới có thể có được ưu thế trong việc giải quyết vấn đề EDC. Nói cách khác, chỉ có một thắng lợi cả về quân sự lẫn ngoại giao ở Đông Dương mới có thể giúp Pháp tự tin vào sức mạnh của mình trong việc lãnh đạo cộng đồng quân sự này, cụ thể hơn là mới đủ tự tin để kiểm tỏa và khống chế được một nước Tây Đức đang trên đà trỗi dậy mạnh mẽ sau chiến tranh. Xét trong phạm vi rộng hơn là

từ đó Pháp mới có thể đảm đương nổi tham vọng (và trọng trách) lãnh đạo cả châu Âu. Lo ngại về một nước Tây Đức đã ảnh hưởng Pháp đến nỗi giới lập pháp của Pháp còn cho rằng chỉ thắng lợi tuyệt đối ở Đông Dương mới xứng đáng làm đối trọng với vấn đề tái vũ trang nước Tây Đức. Tại thời điểm này, Pháp buộc phải đứng trước các lựa chọn ưu tiên của mình là tiếp tục tập trung đa số lực lượng quân sự của mình ở khu vực sông Elbe hay sông Hồng? Nhưng càng đến giai đoạn cuối của Chiến tranh Đông Dương, Pháp càng nhận ra rằng mình khó có thể cùng lúc bố trí lực lượng quân sự của mình cả ở Đông Dương lẫn ở châu Âu. Chính Bộ trưởng Quốc phòng Pháp lúc đó là René Pleven (sau khi thôi chức Thủ tướng) cũng không tin là, nếu Pháp giành được phần thắng lợi ở Đông Dương thì cũng sẽ thay đổi được xu thế nước Tây Đức tái vũ trang. Điều này một lần nữa được khẳng định khi René Pleven trao đổi với người đồng nhiệm Hoa Kỳ là John Foster Dulles là việc bố trí lực lượng quân sự của Pháp ở Đông Dương "thực sự đang gây ra những cản trở to lớn đối với kế hoạch EDC... ngay cả khi chúng tôi giành được thắng lợi, điều đó cũng có nghĩa là chúng tôi bị thua (ở châu Âu)" (11).

Thêm vào đó, những khó khăn về kinh tế của Pháp đầu những năm 1950 đã không cho phép nước này thực hiện được tất cả tham vọng chiến lược của mình. Chính phủ Pháp vào năm 1953 đã phải thừa nhận cay đắng rằng "nước Pháp không thể nào chịu đựng được (những chi phí) lâu dài hơn cho cả Đông Dương lẫn những cam kết quân sự của mình ở châu Âu và những chi phí ngày càng gia tăng ở Bắc Phi" (12). Theo dự toán, so với đóng góp về tài chính của Tây Đức cho dự án EDC thì Pháp chỉ đóng góp được 3,5 tỉ Mark trong khi đó Tây Đức có thể có tiềm lực đóng góp từ 12 đến 13 tỉ Mark

(13). Thật vậy, trong khoảng từ năm 1947 đến năm 1954, các chuyên gia đã ước tính rằng chi phí của Pháp ở Đông Dương đã gần như ngang bằng với tổng số tiền mà nước này nhận được từ Kế hoạch Marshall của Hoa Kỳ (14).

Về thái độ của Tây Đức: Từ một nước thua trận và bị lực lượng đồng minh phân chia khu vực chiếm đóng năm 1945 đến thời điểm thành lập hai nhà nước Đức vào năm 1949 chính là thời điểm hình thành của hàng loạt các sự kiện, học thuyết dẫn đến sự đối đầu chiến lược về ý thức hệ giữa hai khối Đông-Tây do Liên Xô và Hoa Kỳ lãnh đạo kéo dài nhiều năm sau đó. Nếu như Đông Dương là con bài được đưa ra để mặc cả giữa Hoa Kỳ và Pháp về vấn đề EDC thì Tây Đức lại cũng vừa là quân bài, vừa là điểm mấu chốt tạo ra sự lúng túng, tiến thoái lưỡng nan của Pháp trong quá trình giải quyết đồng thời vấn đề Đông Dương và ảnh hưởng quân sự, chính trị của mình ở châu Âu. Để được đảm bảo về an ninh và phát triển kinh tế, Tây Đức không còn cách nào khác ngoài việc chấp nhận việc chia cắt đất nước, nhưng sẵn sàng liên minh với Hoa Kỳ, Canada và các nước Tây Âu khác thông qua hàng loạt các dự án, chương trình và tổ chức liên minh (15). Chính vì thế, cá nhân Thủ tướng Tây Đức lúc đó là Konrad Adenauer và chính phủ của ông dưới sự lãnh đạo đa số của Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo, đã không bỏ lỡ bất kỳ một cơ hội nào giúp Tây Đức có cơ hội hòa nhập với cộng đồng Tây Âu. Do đó, EDC là một dự án mà Tây Đức không thể bỏ qua, tuy có phần không thực sự hài lòng vì Tây Đức vẫn chưa thực sự được đối xử bình đẳng, trong trường hợp này là trên lĩnh vực quân sự. Trong một cuộc phỏng vấn với Cơ quan Thống nhất Đức (tạm dịch từ: *Deutschland-Union-Dienst*) về vấn đề tái vũ trang, Thủ tướng Konrad Adenauer đã xoa dịu dư luận

Tây Đức và Pháp vốn đang rất mạnh mẽ phản đối vấn đề này, khi khẳng định rằng "việc tái vũ trang Tây Đức trong khuôn khổ của EDC là điều không phải bàn cãi, đó là một dấu hiệu quan trọng của việc thiết lập tình hữu nghị giữa Tây Đức và Pháp; lực lượng quân đội Tây Đức sẽ bảo vệ nước Pháp khỏi kẻ thù; quân đội vũ trang Tây Đức không chỉ bảo vệ quyền lợi riêng của nước Tây Đức mà cho lợi ích của toàn châu Âu" (16).

Theo một số nguồn tư liệu, từ đầu năm 1953, dư luận Tây Đức và toàn thể Châu Âu đã sớm nhận ra rằng, dự án EDC khó có thể được thông qua tại Quốc hội Pháp do những tranh cãi của các đảng phái khác nhau, đặc biệt là nhóm nghị sĩ cộng sản trong cơ quan này. Từ những quan sát này, giới lãnh đạo Tây Đức đã sớm nhận định là, ngay cả khi dự án EDC thất bại, nước này vẫn phải được tái vũ trang (17). Bên cạnh đó, giới lãnh đạo Tây Đức cũng rất quan tâm phân tích tình hình chính trị, quân sự và kinh tế của nước Pháp, đặc biệt là tình thế khó khăn của Pháp ở Đông Dương vì khu vực này chắc chắn ảnh hưởng đến việc phê chuẩn EDC của Quốc hội Pháp. Walter Hallstein (18) cho rằng có một mối liên hệ sâu sắc giữa các vấn đề của Đông Dương với các vấn đề của cả châu Âu, đặc biệt là đối với vấn đề thời sự EDC, thậm chí là số phận của Đông Dương còn ảnh hưởng tới cả sự thống nhất nước Tây Đức (19).

Ngày 30-8-1954, Quốc hội Pháp đã tiến hành phiên họp quyết định số phận của EDC. Theo kết quả biểu quyết, dự án này đã bị Quốc hội từ chối thông qua với số 319 phiếu chống và 264 phiếu thuận (20). Nguyên nhân chính dẫn đến sự thất bại này có thể đổ lỗi cho nhiều lý do như Pháp quan ngại về sự lấn át của quân đội Tây Đức; sự vắng mặt của Anh trong cộng đồng

này; xu thế hòa hoãn của tình hình an ninh châu lục sau cái chết của Stalin năm 1953... Tuy nhiên, nhiều học giả đã đồng ý quan điểm là chính sự thất bại về quân sự của Pháp trên chiến trường Đông Dương được đánh dấu bằng sự sụp đổ của tập đoàn cử điểm Điện Biên Phủ, đã làm cho giới lãnh đạo Pháp bừng tỉnh nhận ra rằng, niềm tự hào về sức mạnh quân sự của nước Đại Pháp đã bị tổn thương nghiêm trọng, do đó EDC không thể được phê chuẩn. Niềm tự hào Pháp không thể bị tổn thương hơn nữa một khi nước Pháp chính thức tham gia vào kế hoạch phòng thủ an ninh chung của Tây Âu do chính mình đề xuất chỉ hai năm trước đó mà trong khuôn khổ và nguyên tắc hoạt động của nó, quân đội quốc gia Pháp khó lòng vượt qua sự nổi trội của lực lượng quân sự Tây Đức.

3. Kết luận

Như vậy là, kế hoạch về một "Cộng đồng phòng thủ châu Âu" ra đời tại châu Âu nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng quyết định số phận ngắn ngủi của nó lại nằm ở bán đảo Đông Dương mà kết cục của Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất là điểm mấu chốt. Mặc dù đã tiên liệu trước về sự thất bại có thể có của dự án này, song như Thủ tướng Konrad Adenauer đã phải thừa nhận ngày 30-8-1954 là "một ngày đen tối của châu Âu" (*ein schwarzer Tag fuer Europa*). Trong cách nhìn nhận của vị Thủ tướng này thì, "sự thất bại của EDC là một thành công lớn của Liên Xô (trong chính sách an ninh) trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh" (21).

Đối với Pháp, thất bại quân sự trên chiến trường Đông Dương hẳn nhiên là chỉ dấu hiệu cho thấy mọi nỗ lực cứu vãn hình ảnh sau Thế chiến II tiếp tục như là một cường quốc về thuộc địa đã không đem lại kết quả như mong muốn. Hậu quả của thất

bại quân sự ở Đông Dương thực sự đã làm thức tỉnh nước Pháp về sự chấm hết của thời kì thuộc địa và mở ra thời kì giành độc lập của các dân tộc bị thuộc địa hóa (22). Việc Quốc hội Pháp chỉ từ chối phê chuẩn EDC sau thất bại quân sự của Pháp ở Đông Dương có thể được xem như là một trong những nỗ lực cuối cùng của Pháp trong việc bắt đầu tìm cách thoát khỏi vòng ảnh hưởng của Mi trước việc giải quyết những vấn đề tương lai liên quan đến quyền lợi quốc gia và khu vực.

Đối với Tây Đức, như những gì lịch sử đã cho thấy, sự thất bại của EDC không ngăn cản việc tái vũ trang của quốc gia này. Bằng chứng là vào tháng 5-1955, Tây Đức đã chính thức trở thành thành viên của NATO theo các điều khoản của Hiệp ước Paris kí từ ngày 23-10-1954 (*Paris Pacts*). Nhưng quan trọng hơn đối với Tây Đức lúc này là, từ những gì đã xảy ra với nước Pháp ở Đông Dương, ở Quốc hội Pháp và xu thế hội nhập của châu lục thời điểm đó đang bắt đầu khởi động, giới lãnh đạo Tây Đức dưới sự lãnh đạo quyết đoán và thực tế của Thủ tướng Konrad Adenauer đã nhận thấy rằng, hệ thống thuộc địa của

Châu Âu đã, đang và sẽ hoàn toàn chấm dứt. Nước Pháp buộc phải quay lại tìm kiếm, bảo vệ và phát triển lợi ích của mình ở chính châu lục này trên cơ sở liên minh chặt chẽ với Tây Đức. Bối cảnh đó sẽ mở ra cho nhà nước cộng hòa liên bang này thêm nhiều cơ hội trong việc hoạch định chính sách chiến lược để phát triển đất nước, đặc biệt là về chiến lược hội nhập và thống nhất châu Âu, không chỉ giới hạn trong lĩnh vực quân sự.

Những phân tích trên đây về mối quan hệ giữa Đông Dương với sự thất bại của kế hoạch "Cộng đồng phòng thủ châu Âu" có thể cho ta nhìn lại vị trí địa-chính trị quan trọng của Đông Dương ở khu vực Đông Nam Á trong thế kỉ XX. Khu vực này luôn nằm trong toan tính chiến lược của các nước lớn. Kết quả của Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất đã có tác động nhất định đối với châu Âu trong những năm 1950 nếu nhìn lại dưới góc độ quân sự. Cuối cùng, phương pháp tiếp cận liên khu vực trong nghiên cứu lịch sử quan hệ quốc tế cần tiếp tục được khẳng định và sẽ còn mở ra nhiều vấn đề nghiên cứu thú vị trong thời gian tới.

CHÚ THÍCH

(1). Lần thứ nhất là trong Chiến tranh Pháp-Phổ năm 1870-1871, có thể xem thêm: Geoffrey Wawro, *The Franco-Prussian War: The German Conquest of France in 1870-1871*. Cambridge University Press, 2003, lần thứ hai là trong Thế chiến I (1914-1918) và lần thứ ba là trong Thế chiến II (1939-1945).

(2). Tây Đức bị giới hạn số lượng quân tham gia, không được phép sản xuất các nguyên liệu quan trọng phục vụ chiến tranh...

(3). Xem thêm: Kevin Ruane, *The Rise and Fall of the European Defence Community: Anglo-American Relations and the Crisis of European Defense, 1950-55*. Palgrave, 2000.

(4). Xem: Claus Larres, *Churchill's Cold War: The Politics of Personal Diplomacy*. Yale University Press, 2002, p. 143.

(5). Hiệp ước Brussels được kí kết tháng 3-1948 giữa 5 nước: Pháp, Bỉ, Hà Lan, Luc-xem-bua và Anh với nội dung chủ yếu là cam kết về phòng thủ an ninh chung giữa các nước này. Trên cơ sở đó, tháng 9-1948, một tổ chức có tên gọi là Tổ chức phòng thủ Tây Âu (*Western Union Defence Organization*) ra đời. Có thể xem thêm: Sean Maloney, *To Secure Command of the Sea*. University of New Brunswick, 1991, pp.95-97. Tổ chức này một năm sau đó đã được sáp nhập vào NATO.

(6). Phương Tây e ngại rằng, một hành động tấn công quân sự cùng có thể xảy ra ở châu Âu khi Hồng quân Liên Xô sử dụng nước Đức như một bàn đạp quan trọng.

(7). Xem thêm: Evelyn Colbert, *Southeast Asia in International Politics 1941-1956*. Cornell University Press, Ithaca and London, 1977, p. 206.

(8). Cộng đồng Than và Thép châu Âu (*European Coal and Steel Community*) được thành lập năm 1952 dựa trên cơ sở của Hiệp ước Paris 1951 với các nước thành viên là: Pháp, Italia, Đức-xem-bua, Hà Lan, Bỉ và Tây Đức. Cộng đồng này được thành lập cũng chính là ý tưởng của Jean Monnet, kinh tế gia, chính trị gia nổi tiếng của Pháp và được công bố bởi Ngoại trưởng Pháp lúc đó là Robert Schuman từ năm 1950. Sở dĩ Pháp đề xuất thành lập tổ chức này cũng bởi vì muốn kiểm soát việc khai thác, sản xuất và buôn bán các mặt hàng than và thép, vốn là những nguyên liệu đầu vào thiết yếu của nền kinh tế công nghiệp phục vụ chiến tranh.

(9). *Sueddeutsche Zeitung*, 15-02-1954. Xem thêm: Christopher E. Goscha, *The Indochina War. A Connected History*, in: *Dictionary of the Indochina War: International and Multidisciplinary Perspectives* Honolulu, University of Hawaii Press, p. 19.

(10). Lawrence S. Kaplan, Denise Artaud, Mark R. Rubin, *Dien Bien Phu and the Crisis of Franco-American Relations, 1954-1955*, Sr Books, 1990, p. 235.

(11). *Ibid.*, p. 236. Nói đến thua tại châu Âu ở đây, Bộ trưởng Quốc phòng Pháp René Pleven ngụ ý nói đến việc nước Pháp phải chấp nhận một nước Tây Đức tái vũ trang với khả năng đóng góp lực lượng và tài chính hơn Pháp, một điều khó có thể được chấp nhận trong suy nghĩ của giới lãnh đạo Pháp. Về tình thế tiến thoái lưỡng nan của Pháp, có thể xem thêm: Evelyn Colbert, *op. cit.*, p. 214.

(12). Christopher E. Goscha, *op. cit.*, p. 19.

(13). Lawrence S. Kaplan, Denise Artaud, Mark R. Rubin, *op. cit.*, p. 253.

(14). Irwin Wall, *France in the Cold War*, in: *Journal of European Studies*, 2008, pp. 125-126 (có thể xem thêm: <http://jes.sagepub.com/content/38/2.toc> và:

Lawrence S. Kaplan, Denise Artaud, Mark R. Rubin, *op. cit.*, p. 235). Bất ổn về kinh tế, quân sự và chính trị Pháp trong những năm đầu 1950, xem thêm các phân tích từ báo chí Đức. *Die Zeit*, 20. November 1952, *Sueddeutsche Zeitung*, 16. Oktober 1950, *Sueddeutsche Zeitung*, 15. Februar 1954.

(15). Timothy D. Showers, *France, Germany and the Development of a European Security and Defense Identity*. MA thesis, Naval Postgraduate School, Monterey, California, 2009, p. 8.

(See also: http://edocs.nps.edu/npspubs/scholarly/theses/2000/Jun/00Jun_Showers.pdf).

(16). *Sueddeutsche Zeitung*, 16. November 1950

(17). *Frankfurter Allgemeine Zeitung*, 08. Januar và 23. Oktober 1953. Về dự luận Pháp lo ngại về nước Đức tái vũ trang, xem thêm: *Sueddeutsche Zeitung*, 05. März 1954.

(18). Walter Hallstein (1901-1982) là chính trị gia chuyên về chiến lược đối ngoại hàng đầu của chính quyền Adenauer, tác giả của học thuyết nổi tiếng mang tên mình (*Hallstein Doctrine*) được thi hành trong suốt thập niên 1960

(19). *Der Auswärtige Ausschuss des Deutschen Bundestages 1953-1957*. Droster Verlag, Duesseldorf, 2002, S. 204.

(20). *Frankfurter Allgemeine Zeitung*, 31. August 1954.

(21). *Freiheit, Wohlfahrt, Sicherheit fuer Deutschland und Europa*, Regierungserklaerung von Bundeskanzler Dr. Adenauer zur Deutschen Außenpolitik vor dem Deutschen Bundestag am 15. Dezember 1954. Về thái độ của Liên Xô trước vấn đề EDC, xem thêm trong: *Die Kabinetteprotokolle der Bundesregierung*, Band 5, Harald Boldt Verlag, Boppard am Rhein 1989, S. 296.

(22). Tiếc rằng, giới lãnh đạo quân sự Pháp lại tiếp tục dẫn thân vào cuộc phiêu lưu quân sự mới chống lại sự nổi dậy giành độc lập của nhân dân Algeria nổ ra vào tháng 11-1954 và thêm lần nữa chấp nhận thất bại và phải thừa nhận nền độc lập của quốc gia này vào năm 1962.